

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THIÊN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thor	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 122/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2016, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã lập các bút toán điều chỉnh cần thiết để trình bày lại báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trên báo cáo kiểm toán ký ngày 10 tháng 3 năm 2016.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét ký ngày 19 tháng 8 năm 2015.



Vũ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		998.881.692.077	884.412.403.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	78.323.719.341	55.657.764.290
1. Tiền	111		35.572.719.341	46.042.764.290
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.751.000.000	9.615.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	40.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.754.940.465	111.906.538.572
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	90.687.076.548	91.830.500.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	14.311.983.000	17.543.165.940
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	755.880.917	4.166.703.431
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.633.831.749)
IV. Hàng tồn kho	140		772.651.125.317	673.612.398.738
1. Hàng tồn kho	141	11	777.181.115.521	674.184.758.920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11	(4.529.990.204)	(572.360.182)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.151.906.954	3.235.701.736
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54.003.600	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.097.903.354	3.235.701.736
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		329.347.006.412	237.556.212.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		130.005.000.000	90.005.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	130.005.000.000	90.005.000.000
II. Tài sản cố định	220		50.575.530.636	50.177.176.897
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	23.660.768.824	23.231.615.089
- Nguyên giá	222		41.721.593.966	39.216.388.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.060.825.142)	(15.984.773.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	26.914.761.812	26.945.561.808
- Nguyên giá	228		28.106.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.191.706.605)	(1.160.906.609)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	92.732.318.834	94.851.614.348
- Nguyên giá	231		107.054.750.832	107.054.750.832
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.322.431.998)	(12.203.136.484)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.556.208.096	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	53.556.208.096	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.400.000.000	2.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	2.400.000.000	2.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		77.948.846	122.421.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		77.948.846	122.421.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.328.228.698.489	1.121.968.616.027

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.008.163.271.164	827.591.756.936
I. Nợ ngắn hạn	310		935.763.521.164	751.702.006.936
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	217.975.717.746	119.494.207.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.786.227.601	17.926.646.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	5.883.367.316	5.556.041.168
4. Phải trả người lao động	314		12.159.966.505	7.823.991.703
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		893.248.744	1.717.843.153
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.902.452.000	279.145.000
7. Vay ngắn hạn	320	20	665.242.822.980	596.006.346.908
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.919.718.272	2.897.785.461
II. Nợ dài hạn	330		72.399.750.000	75.889.750.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	42.899.750.000	42.889.750.000
2. Vay dài hạn	338	21	29.500.000.000	33.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.065.427.325	294.376.859.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	320.065.427.325	294.376.859.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.047.770.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.047.770.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.138.343.637	55.186.113.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		97.149.424.300	78.023.603.117
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.708.414.688	93.145.667.637
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		57.816.919.943	47.556.721.721
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		41.891.494.745	45.588.945.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.328.228.698.489	1.121.968.616.027

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

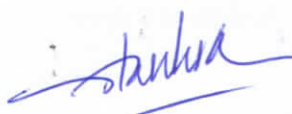
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
			đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.658.412.006.583	987.503.917.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	118.976.948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	1.658.412.006.583	987.384.940.304
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.544.967.876.844	913.295.917.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		113.444.129.739	74.089.023.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.082.273.021	381.635.073
7. Chi phí tài chính	22	29	20.985.919.350	23.116.628.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.977.127.390	22.897.584.742
8. Chi phí bán hàng	25	30	13.332.515.657	11.490.392.744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	19.850.141.103	10.252.126.864
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		60.357.826.650	29.611.509.937
11. Thu nhập khác	31		1.742.389.179	6.482.186
12. Chi phí khác	32		167.039.898	258.512.494
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		1.575.349.281	(252.030.308)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		61.933.175.931	29.359.479.629
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	32	12.386.635.186	6.459.085.518
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<u>49.546.540.745</u>	<u>22.900.394.111</u>



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.933.175.931	29.359.479.629
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.645.631.957	5.301.451.232
Các khoản dự phòng	03	2.323.798.273	526.002.964
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(96.637.766)	(632.393)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(753.261.289)	(158.949.905)
Chi phí lãi vay	06	20.977.127.390	22.897.584.742
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	89.029.834.496	57.924.936.269
Thay đổi các khoản phải thu	09	(31.400.036.942)	69.803.211.753
Thay đổi hàng tồn kho	10	(102.996.356.601)	11.030.343.895
Thay đổi các khoản phải trả	11	60.620.485.290	(100.370.462.275)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.531.000)	95.585.588
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.212.650.966)	(23.029.939.962)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.814.157.389)	(6.165.614.796)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	3.960.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.189.347.695)	(3.833.647.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.957.260.807)	5.458.373.418
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.132.816.678)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	309.090.909	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(40.000.000.000)
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	416.335.555	158.949.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.407.390.214)	(39.841.050.095)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.413.450.954.193	995.006.050.469
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.347.714.478.121)	(977.282.614.363)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(13.705.870.000)	(7.999.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.030.606.072	9.723.700.106
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	22.665.955.051	(24.658.976.571)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.657.764.290	56.852.241.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy.đổi ngoại tệ	61	-	632.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	78.323.719.341	32.193.897.358


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu


 Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng


 Ngô Hữu Hoàn
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận sửa đổi lần thứ 18 ngày 16 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần của Công ty là 101.047.770.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán là TNA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 64 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Công ty con với tỷ lệ sở hữu 80% là Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0306489067, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NHỮNG NĂM TRƯỚC

Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh khoản lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được trình bày lại nhằm điều chỉnh số Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu hoạt động tài chính, chi tiết các khoản mục ảnh hưởng bởi việc trình bày lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	983.342.121.132	987.503.917.252	4.161.796.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.543.431.193	381.635.073	(4.161.796.120)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.320.746.025)	(158.949.905)	4.161.796.120
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.320.746.025	158.949.905	(4.161.796.120)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

- *Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 228 và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình* thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản thể hiện giá trị quyền sử dụng đất mà Công ty đang thực hiện chuyển nhượng trong 6 tháng đầu năm 2016 và nắm giữ với mục đích xây dựng bất động sản đầu tư trong tương lai.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý, hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	495.614.242	476.533.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.077.105.099	45.566.230.362
Các khoản tương đương tiền (*)	42.751.000.000	9.615.000.000
	<u>78.323.719.341</u>	<u>55.657.764.290</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4% đến 5%/năm).

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

- Chứng khoán kinh doanh thể hiện khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phần với tỷ lệ 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 đồng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá là 10.705 đồng/cổ phần. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng khoản đầu tư này không bị giảm giá theo quy định của Thông tư số 228 và Thông tư số 89. Do đó, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản chứng khoán kinh doanh này.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu các bên thứ ba	90.687.076.548	74.486.890.174
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	50.561.822.063	41.302.900.886
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	27.638.383.279	21.122.164.124
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12.486.871.206	12.061.825.164
b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	17.343.610.776
- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	17.343.610.776
	<u>90.687.076.548</u>	<u>91.830.500.950</u>

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu thể hiện khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.

10. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	3.348.870.361
- Phải thu người lao động	147.304.950	96.094.810
- Ký cược, ký quỹ	199.000.000	302.014.700
- Phải thu khác	409.575.967	419.723.560
	755.880.917	4.166.703.431
b. Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	95.000.000.000	90.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào (*)	35.000.000.000	-
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	130.005.000.000	90.005.000.000

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh và Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	126.238.030.215	-	90.852.709.290	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.904.000	-	205.060.281.000	-
Hàng hoá	417.884.181.306	(4.529.990.204)	378.271.768.630	(572.360.182)
	777.181.115.521	(4.529.990.204)	674.184.758.920	(572.360.182)

Trong kỳ, Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.957.630.022 đồng (năm 2015: 572.360.182 đồng) vì giá bán thép ước tính trong tương lai sẽ giảm so với giá mua vào. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị là 50 tỷ đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 20).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	11.498.803.834	20.838.506.433	6.793.234.696	55.778.000	30.065.250	39.216.388.213
Mua sắm tài sản cố định trong kỳ	-	-	2.924.690.182	-	-	2.924.690.182
Thanh lý	-	-	(419.484.429)	-	-	(419.484.429)
Tại ngày 30/6/2016	11.498.803.834	20.838.506.433	9.298.440.449	55.778.000	30.065.250	41.721.593.966
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	4.408.227.871	8.115.801.106	3.374.900.897	55.778.000	30.065.250	15.984.773.124
Khấu hao trong kỳ	416.659.212	1.440.860.580	638.016.655	-	-	2.495.536.447
Thanh lý	-	-	(419.484.429)	-	-	(419.484.429)
Tại ngày 30/6/2016	4.824.887.083	9.556.661.686	3.593.433.123	55.778.000	30.065.250	18.060.825.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	6.673.916.751	11.281.844.747	5.705.007.326	-	-	23.660.768.824
Tại ngày 01/01/2016	7.090.575.963	12.722.705.327	3.418.333.799	-	-	23.231.615.089

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5.404.565.645 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.545.262.069 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 2.358.832.675 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.524.653.571 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	-	960.706.605	200.200.004	1.160.906.609
Khấu hao trong kỳ	-	-	30.799.996	30.799.996
Tại ngày 30/6/2016	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812
Tại ngày 01/01/2016	25.255.147.500	1.659.614.312	30.799.996	26.945.561.808

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	107.054.750.832
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	12.203.136.484
Khấu hao trong kỳ	2.119.295.514
Tại ngày 30/6/2016	14.322.431.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2016	92.732.318.834
Tại ngày 01/01/2016	94.851.614.348

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 18.875.082.664 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.839.252.776 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 1.089.974.794 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.231.010.009 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị đất mà Công ty đã mua trong tháng 6 năm 2016 với mục đích xây dựng cao ốc cho thuê trong tương lai. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 7 năm 2016.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	80%	80%	2.400.000.000	Bán buôn sản phẩm đường, sữa
				2.400.000.000	

Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam có lợi nhuận nên theo quy định của Thông tư 89, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 11/2016/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2016, Công ty sẽ chuyển nhượng 10% vốn góp ở Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh, chủ sở hữu đang nắm giữ 20% vốn góp của Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Metal One Corporation	86.547.898.458	86.547.898.458	28.186.247.656	28.186.247.656
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	48.348.081.600	48.348.081.600	-	-
Cargill International Trading Pte. Ltd	-	-	23.977.601.200	23.977.601.200
Win Faith Trading Limited	-	-	20.353.266.886	20.353.266.886
Hangzhou Ciec International Co.,Ltd	-	-	18.816.555.785	18.816.555.785
Các nhà cung cấp khác	83.079.737.688	83.079.737.688	28.160.535.876	28.160.535.876
	217.975.717.746	217.975.717.746	119.494.207.403	119.494.207.403

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Truy thu thuế các năm trước VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	713.903.088	-	(713.903.088)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	36.519.082.161	-	(36.519.082.161)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	21.390.921	-	(21.390.921)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	857.356.684	-	(857.356.684)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.865.983.562	12.386.635.186	62.103.460	(11.814.157.389)	5.500.564.819
Thuế thu nhập cá nhân	690.057.606	3.178.834.924	-	(3.486.090.033)	382.802.497
Tiền thuê đất	-	2.692.917.286	-	(2.692.917.286)	-
Thuế tự vệ	-	11.418.163.991	-	(11.418.163.991)	-
Các loại thuế khác	-	423.862.496	-	(423.862.496)	-
	5.556.041.168	68.212.146.737	62.103.460	(67.946.924.049)	5.883.367.316

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
a. Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	140.220.000	119.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.612.232.000	8.010.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.000.000	151.685.000
	1.902.452.000	279.145.000
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.899.750.000	42.889.750.000
	42.899.750.000	42.889.750.000

(*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a- DN

20. VAY NGẮN HẠN		31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	93.970.000.000	93.970.000.000	148.953.433.750	(130.770.000.000)	112.153.433.750	112.153.433.750
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	218.851.527.535	218.851.527.535	443.198.421.454	(462.951.063.045)	199.098.885.944	199.098.885.944
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	148.225.836.905	148.225.836.905	360.907.628.171	(352.390.490.342)	156.742.974.734	156.742.974.734
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	38.503.982.468	38.503.982.468	168.323.674.435	(123.011.909.886)	83.815.747.017	83.815.747.017
	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	51.400.000.000	51.400.000.000	167.444.397.100	(163.960.214.800)	54.884.182.300	54.884.182.300
	Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.000.000	5.000.000.000	19.951.235.400	(14.951.235.400)	10.000.000.000	10.000.000.000
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.650.000.000	27.650.000.000	46.048.132.145	(49.698.432.650)	23.999.699.495	23.999.699.495
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	-	-	53.959.031.738	(39.376.131.998)	14.582.899.740	14.582.899.740
	- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.405.000.000	5.405.000.000	4.665.000.000	(7.105.000.000)	2.965.000.000	2.965.000.000
	Vay ngắn hạn các cá nhân khác	7.000.000.000	7.000.000.000	3.500.000.000	(3.500.000.000)	7.000.000.000	7.000.000.000
	Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	596.006.346.908	596.006.346.908	1.416.950.954.193	(1.347.714.478.121)	665.242.822.980	665.242.822.980

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như đã trình bày trong Thuyết minh số 11, 12, 13 và 14 hoặc không có bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a- DN

21. VAY DÀI HẠN

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	VND	Số có khả năng trả nợ
Giá trị						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(3.500.000.000)	36.500.000.000	36.500.000.000
Tổng các khoản vay dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(3.500.000.000)	36.500.000.000	36.500.000.000
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000	7.000.000.000			7.000.000.000	7.000.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	33.000.000.000	33.000.000.000			29.500.000.000	29.500.000.000

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Sau năm năm	1.500.000.000	5.000.000.000
	36.500.000.000	40.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	29.500.000.000	33.000.000.000

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	10.104.777	8.000.000
Số lượng cổ phần quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>9.759.823</u>	<u>7.655.046</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn cổ phần do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Số lượng cổ phần và tỉ lệ nắm giữ				Vốn đã góp	
	30/6/2016		31/12/2015		30/6/2016	31/12/2015
	Cổ phần	%	Cổ phần	%	VND	VND
Ông Nguyễn Quang Hòa	1.032.500	10%	1.032.500	13%	10.325.000.000	10.325.000.000
Bà Nguyễn Trần Thảo Nguyên	2.038.897	20%	2.038.897	25%	20.388.970.000	20.388.970.000
Bà Trần Thị Đan Thanh	881.350	9%	881.350	11%	8.813.500.000	8.813.500.000
Công ty quản lý quỹ					4.384.400.000	4.384.400.000
PYN Elite Fund (Non-Ucits)	438.440	4%	438.440	5%	57.135.900.000	36.088.130.000
Các cổ đông khác	5.713.590	57%	3.608.813	45%	<u>101.047.770.000</u>	<u>80.000.000.000</u>
	<u>10.104.777</u>	<u>100%</u>	<u>8.000.000</u>	<u>100%</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	74.196.407.391	66.104.479.985	275.484.179.713
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	22.900.394.111	22.900.394.111
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.827.195.726	(9.567.989.315)	(5.740.793.589)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(7.999.736.000)	(7.999.736.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(299.978.000)	(299.978.000)
Tại ngày 30/6/2015	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	78.023.603.117	71.137.170.781	284.344.066.235
Tại ngày 01/01/2016	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	78.023.603.117	93.145.667.637	294.376.859.091
Tăng vốn trong kỳ (1)	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	49.546.540.745	49.546.540.745
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	19.125.821.183	(19.125.821.183)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(6.557.424.405)	(6.557.424.405)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị,	-	-	-	-	(1.639.356.101)	(1.639.356.101)
Ban kiểm soát (2)	-	-	-	-	(15.310.092.000)	(15.310.092.000)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(351.100.005)	(351.100.005)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2016	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	97.149.424.300	99.708.414.688	320.065.427.325

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 04:1, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phần tăng thêm là ngày 03 tháng 6 năm 2016. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng 10.104.777 cổ phần và 101.047.770.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 ngày 16 tháng 6 năm 2016. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 3347/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 6 năm 2016.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã công bố chia cổ tức đợt cuối năm 2015 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 với số tiền là 7.655.046.000 đồng và tạm trích cổ tức đợt một năm 2016 từ lợi nhuận chưa phân phối kỳ này với số tiền là 7.655.046.000 đồng cho cổ đông. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 13.705.870.000 đồng.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Đơn vị	30/6/2016	31/12/2015
Đô la Mỹ	USD	838,74	838,74

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng.... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu) cũng như các niên độ kế toán trước (chiếm tỷ trọng khoảng 3,3% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và các kỳ trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các kỳ trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.209.844.661.544	639.515.495.677
- Doanh thu thành phẩm đã bán	398.745.227.090	314.784.185.873
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	16.755.695.745	16.446.700.248
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	17.402.916.666	4.161.796.120
- Doanh thu dịch vụ khác	2.371.575.328	2.538.516.191
- Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	13.291.930.210	10.057.223.143
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	12.965.030.234	9.777.493.251
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	218.181.816	218.181.817
- Doanh thu dịch vụ khác	108.718.160	61.548.075
	1.658.412.006.583	987.503.917.252
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	-	118.976.948
	1.658.412.006.583	987.384.940.304

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.152.973.901.326	607.114.269.423
Giá vốn của thành phẩm đã bán	382.071.714.766	300.371.519.120
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5.964.630.730	5.270.145.793
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(572.360.182)	(4.052.002.555)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.529.990.204	4.591.985.519
	1.544.967.876.844	913.295.917.300

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	374.984.571.478	149.170.898.160
Chi phí nhân công	21.104.167.164	10.237.810.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.645.631.957	5.301.451.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.830.957.633	13.207.130.989
Chi phí khác bằng tiền	3.653.674.024	3.732.247.776
	421.219.002.256	181.649.538.920

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại) VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	444.170.380	192.847.296
Lãi chênh lệch tỷ giá	632.684.935	17.139.526
Lãi chậm thanh toán	5.417.706	171.648.251
	1.082.273.021	381.635.073

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lãi tiền vay	20.977.127.390	22.897.584.742
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.791.960	215.643.790
Chi phí tài chính khác	-	3.400.000
	20.985.919.350	23.116.628.532

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.614.748.679	1.912.586.725
Chi phí vật liệu, bao bì	91.004.649	84.319.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	538.025.727	861.932.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.171.505.656	7.644.540.243
- Chi phí điện	1.578.969.046	1.793.673.425
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	4.493.610.119	3.029.415.481
- Chi phí thuê kho, bảo trì	1.413.603.695	1.995.899.014
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.685.322.796	825.552.323
Chi phí bằng tiền khác	917.230.946	987.014.036
	13.332.515.657	11.490.392.744

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.489.418.485	8.325.224.038
Chi phí vật liệu, bao bì	176.947.173	186.346.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.913.712	431.394.966
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.633.831.749)	(13.980.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.356.867	143.633.418
Chi phí bằng tiền khác	1.858.336.615	1.179.508.048
	19.850.141.103	10.252.126.864

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	61.933.175.931	29.359.479.629
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	61.933.175.931	29.359.479.629
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.386.635.186	6.459.085.518

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	694.742.822.980	629.006.346.908
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(78.323.719.341)	(55.657.746.290)
Nợ thuần	616.419.103.639	573.348.600.618
Vốn chủ sở hữu	320.065.427.325	294.376.859.091
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,93	1,95

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.323.719.341	55.657.746.290
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	221.300.652.515	184.272.277.822
	339.624.371.856	279.930.024.112
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	694.742.822.980	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	262.777.919.746	164.380.945.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	893.248.744	1.717.843.153
	958.413.991.470	795.105.135.617

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá cổ phiếu, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cổ phiếu, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản chứng khoán kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá là 10.705 đồng/cổ phần. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm/tăng 13.894.856.460 đồng (năm 2015: 12.580.126.938 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 8. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.323.719.341	-	-	78.323.719.341
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.295.652.515	130.005.000.000	-	221.300.652.515
	209.619.371.856	130.005.000.000	-	339.624.371.856
Các khoản vay	665.242.822.980	28.000.000.000	1.500.000.000	694.742.822.980
Phải trả người bán và phải trả khác	219.878.169.746	41.399.750.000	1.500.000.000	262.777.919.746
Chi phí phải trả ngắn hạn	893.248.744	-	-	893.248.744
	886.014.241.470	69.399.750.000	3.000.000.000	958.413.991.470
Chênh lệch thanh khoản thuần	(676.394.869.614)	60.605.250.000	(3.000.000.000)	(618.789.619.614)
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.657.746.290	-	-	55.657.746.290
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.267.277.822	90.005.000.000	-	184.272.277.822
	189.925.024.112	90.005.000.000	-	279.930.024.112
Các khoản vay	596.006.346.908	28.000.000.000	5.000.000.000	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	121.491.195.556	3.692.750.000	39.197.000.000	164.380.945.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.717.843.153	-	-	1.717.843.153
	719.215.385.617	31.692.750.000	44.197.000.000	795.105.135.617
Chênh lệch thanh khoản thuần	(529.290.361.505)	58.312.250.000	(44.197.000.000)	(515.175.111.505)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Tháng 11/2015 Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên đã bán hết 1.654.400 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty (tương đương 20,68%).

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam

Công ty con

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	13.291.930.210	10.057.223.143
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	-	18.407.705.923

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lương, thù lao	4.183.500.000	3.944.001.000
Phụ cấp	228.118.800	446.609.600

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	17.343.610.776
Các khoản nhận ứng trước từ khách hàng		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	5.412.342.094	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	3.348.870.361

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 858.648.743 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 979.844.306 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định không bao gồm 48.348.081.600 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu nhập lãi tiền gửi không bao gồm 183.819.967 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 13.112.500 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.612.232.000 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2016

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

www.deloitte.com/vn